

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN THỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 6288/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Yên Thịnh về việc phân bổ thu, chi ngân sách xã năm 2022;*

*Theo đề nghị của ban Tài chính xã tại Tờ trình số 01/TTr-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của xã Yên Thịnh (theo biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã; gửi trực tiếp cho Đảng ủy, các ban, ngành liên quan và trưng các thôn tại biểu 108/CK TC-NSNN đến biểu 112/CK TC-NSNN.

**Điều 3.** Các ông, bà: Văn phòng - Thống kê xã, Trưởng ban Tài chính xã và Trưởng các ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như Điều 3 (T/hiện);
- UBND huyện (Báo cáo)
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (Báo cáo)
- TT Đảng ủy; | (Báo cáo)
- TT HĐND xã;
- LĐ UBND xã

*Gửi bản giấy:*

- Tài chính KT;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nông Đình Huế**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: Đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>4.153.976.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>4.153.976.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	45.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		II. Chi thường xuyên	4.063.800.000
III. Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương		III. Dự phòng	90.176.000
IV. Thu bổ sung	4.108.976.000		
- Bổ sung cân đối	3.997.086.000		
- Bổ sung có mục tiêu	111.890.000		
IV. Thu chuyển nguồn	-		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>4.153.976.000</b>	<b>4.153.976.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>
	Phí, lệ phí	24.500.000	24.500.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	
	Thu lệ phí môn bài	4.000.000	4.000.000
	Thu thuế thu nhập cá nhân	9.500.000	9.500.000
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	
	Thu khác	7.000.000	7.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	-	-
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>	<b>-</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>-</b>	
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>-</b>	
<b>VII</b>	<b>Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.108.976.000</b>	<b>4.108.976.000</b>

	- Thu bổ sung cân đối	3.997.086.000	3.997.086.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	111.890.000	111.890.000

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị:  
Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>4.153.976.000</b>	<b>-</b>	<b>4.153.976.000</b>
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	-		
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		
3	Chi y tế	-		
4	Chi văn hóa, thông tin	-		
5	Chi phát thanh, truyền thanh	8.000.000		8.000.000
6	Chi thể dục thể thao	20.000.000		20.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường	-		-
8	Chi các hoạt động kinh tế	10.000.000		10.000.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.936.882.000		3.936.882.000
10	Chi cho công tác xã hội	55.528.000		55.528.000
11	Chi khác	33.390.000		33.390.000
12	Dự phòng ngân sách	90.176.000		90.176.000

## KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10.455.000</b>	<b>4.800.000</b>	<b>5.655.000</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>	
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	10.455.000	4.800.000	5.655.000	11.000.000	11.000.000	0
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	2.999.000	500.000	2.499.000	3.000.000	3.000.000	0
Quỹ bảo trợ trẻ em	2.869.000	700.000	2.169.000	3.000.000	3.000.000	0
Quỹ vì người nghèo	2.868.000	3.600.000	-732.000	3.000.000	3.000.000	0
Quỹ cao tuổi	1.719.000	0	1.719.000	2.000.000	2.000.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi